TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK** Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST Ngày 29 tháng 7 năm 2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hưởng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST–HNGĐ *ngày 30 tháng 6 năm 2025*; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cầm Thị Th**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã Y (Nay là xã B), tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh **Trịnh Thanh M**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Y (Nay là xã B), tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Cầm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Thanh M chung sống với nhau từ năm 2021. Ngày 07/9/2021, cả hai tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chúng sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh khi chị phát hiện anh **M** có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bản thân chị cũng đã cho anh **M** cơ hội để thay đổi nhưng anh **M** lại tiếp tục lừa dối chị. Hai vợ chồng còn thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn và quan hệ tình cảm. Nhận thấy những mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không còn có cơ hội để hàn gắn, do đó chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **M**.

Về con chung: Chị và anh **M** có 01 con chung là cháu Trịnh Cầm Thảo Q, sinh ngày 03/5/2024. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quyên cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các phiên hoà giải anh Trịnh Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Th** chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/9/2021. Hôn nhân dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, lớn tiếng với nhau. Chị **Th** bỏ nhà đi, mang con sang ngoại ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Khoảng thời gian vừa qua, anh đã nhận ra những lỗi lầm của mình, anh mong muốn được cùng vợ tiếp tục chung sống và cùng nhau nuôi dạy con cái. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị **Th**.

Về con chung: Anh và chị **Th** có 01 con chung là cháu Trịnh Cầm Thảo Q, sinh ngày 03/5/2024. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cháu Quyên cho chị **Th** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị **Th** và anh **M**. Qua xác minh tại địa phương thể hiện, anh **M** làm nghề chạy xe chở hàng, phải thường xuyên vắng nhà nên tình cảm vợ chồng không được gắn bó mật **Th**, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã. Đặc biệt, khoảng cuối năm 2024, chị **Th** phát hiện anh **M** ngoại tình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nên chị bỏ về bên ngoại sống và mang theo con nhỏ.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Cầm Thị Th được ly hôn với anh Trịnh Thanh M.

Về con chung đề nghị giao cháu Trịnh Cầm Thảo Q, sinh ngày 03/5/2024 cho chị **Th** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị **Th** không yêu cầu, nên anh **M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Cầm Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn, nuôi con chung giữa chị với anh Trịnh Thanh M, địa chỉ tại thôn 11, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk *(nay là xã Ea Bung, tỉnh Đắk Lắk)*. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị **Th** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị **Th**. Đối với anh Tịnh Thanh **M** trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **M**, tuy nhiên anh **M** đều vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa, anh **M** vắng mặt lần thứ hai, không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **M**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Th** và anh **M** chung sống với nhau vào năm 2021, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07 tháng 9 năm 2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **M** có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, sau đó chị **Th** đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2024 đến nay, quá trình giải quyết vụ án anh **M** mong muốn chị **Th** suy nghĩ lại để vợ chồng cùng đoàn tụ làm ăn nuôi dậy con. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Th** và anh **M** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị **Th** được ly hôn với anh **M** là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị **Th** và anh **M** có 01 con chung là Trịnh Cầm Thảo Q, sinh ngày 03/5/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **Th** có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án anh **M** và chị **Th** thống nhất giao cháu Q cho chị **Th** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q hiện tại dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu Quyên cho chị **Th** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Th** không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận ý kiến này của chị **Th**.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị **Cầm Thị Th** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Cầm Thị Th** đối với anh **Trịnh Thanh M** về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Cầm Thị Th** được ly hôn với anh **Trịnh Thanh M**.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao cháu Trịnh Cầm Thảo Q, sinh ngày 03/5/2024 cho chị **Cầm Thị Th** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Anh **Trịnh Thanh M** không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Cầm Thị Th** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **M**.

Chị **Cầm Thị Th** cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở anh **M** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trịnh Thanh M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Cầm Thị Th** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003763 ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp nay là Phòng thi hành án khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS khu vực 2;
- Tòa án tỉnh;
- Phòng THA khu vực 2;
- UBND xã Ea Bung, Đắk Lắk
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên